

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng

Địa chỉ trụ sở chính: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

Mã số doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309532497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 04/01/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 01/3/2021.

Hôm nay, vào 09h00 phút ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường lầu 4 Công ty, Cổng C, Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM, Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự:

- Các ông/bà là thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát; thành viên Ban giám đốc công ty.
- Các cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông theo danh sách chốt ngày 28/3/2023.

2. Tính hợp lệ của Đại hội:

Công ty đã mời họp theo điều 139-141 Luật doanh nghiệp 2020, và điều lệ Công ty (công ty gửi thư mời họp cho 100% cổ đông theo danh sách chốt của TTLK chứng khoán). Tại thời điểm khai mạc Đại hội, lúc 09h00 ngày 27/4/2023 số cổ đông tham dự đại hội gồm:

- Cổ đông tham dự và người được ủy quyền: 75 người. Tổng số cổ phiếu do các cổ đông tham dự và ủy quyền là: 16.172.143 cổ phần, chiếm 80,8970% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đủ điều kiện để tiến hành.

II. DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:

A. THỦ TỤC TIẾN HÀNH KHAI MẠC CUỘC HỌP ĐHĐCĐ:

1. Ông **Nguyễn Văn Hảo** thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự:

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Đại diện Ban kiểm tra tư cách đại biểu công bố tỷ lệ tham dự đại hội.

3. Ông **Nguyễn Văn Hảo** giới thiệu số lượng và danh sách Đoàn chủ tịch gồm 02 người:

- Ông **Ngô Văn Ngự** - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa
- Ông **Trần Quang Thảo** - Giám đốc - Thành viên

Biểu quyết: 16.172.143 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

4. Ông **Ngô Văn Ngự** (Chủ tọa) đề cử Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

- Thư ký đại hội: Bà **Hồ Thanh Hiền**
- Ban kiểm phiếu gồm 03 người:
 - + Ông **Trần Hải Dương**
 - + Ông **Hoàng Hải Minh**
 - + Ông **Nguyễn Quốc Hùng**

Biểu quyết: 16.172.143 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

5. Ông **Ngô Văn Ngự** thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

Biểu quyết: 16.172.143 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

6. Ông **Ngô Văn Ngự** thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Biểu quyết: 16.172.143 cổ phần (tỷ lệ 100%) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

B. TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG.

1. Ông **Trần Quang Thảo** trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2022 (Xem tài liệu đại hội).

2. Ông **Trần Quang Thảo** trình bày báo cáo kết quả SXKD năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cụ thể như sau:

2.1 Kết quả SXKD năm 2022.

2.1.1 Kết quả sản lượng thực hiện năm 2022 Cty mẹ (một số chỉ tiêu chính).

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022		
			Giá trị	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
Sản lượng kho (tấn)	1.131.715	1.164.416	1.218.423	104,6	107,7
Sản lượng bãi (teus)	648.960	740.363	676.142	91,3	104,2

2.1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 hợp nhất (BCTCHN kiểm toán).

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	809.302	864.877	939.733	108,66	116,12
1. Doanh thu bán hàng	800.514	858.553	930.416	108,37	116,23
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.233	5.324	8.520	160,03	103,49
3. Thu nhập khác	555	1.000	797	79,70	143,60
II. Tổng chi phí	709.579	759.017	823.174	108,45	116,01
1. Giá vốn hàng bán	632.226	676.994	719.228	106,24	113,76
2. Chi phí tài chính	6.136	5.997	5.149	85,86	83,91
3. Phần lãi/lỗ trong cty liên kết			(716)		
4. Chi phí bán hàng	9.424	10.493	28.137	268,15	298,57
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.306	63.628	69.713	109,56	115,60
6. Chi phí khác	1.486	1.906	1.663	87,25	111,91
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	99.723	105.860	115.127	108,75	115,45
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.528	23.386	27.376	117,06	116,35
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-399	0	44		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	76.594	82.474	87.707	106,35	114,51
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.386	2.602	2.634	101,23	110,39

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 (BCTC công ty mẹ kiểm toán).

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	673.129	717.186	754.718	105,23	112,12
1. Doanh thu bán hàng	659.086	706.666	741.049	104,87	112,44
2. Doanh thu hoạt động tài chính	13.489	9.520	12.874	135,23	95,44
3. Thu nhập khác	554	1.000	795	79,50	143,50
II. Tổng chi phí	582.314	623.162	652.482	104,71	112,05
1. Giá vốn hàng bán	519.141	554.260	569.881	102,82	109,77
2. Chi phí tài chính	3.958	4.318	4.215	97,61	106,49
3. Chi phí bán hàng	9.058	10.000	18.319	183,19	202,24
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.521	53.634	59.104	110,20	119,35
5. Chi phí khác	636	950	963	101,37	151,42
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	90.815	94.024	102.234	108,73	112,57
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.464	20.111	23.688	117,79	115,75
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-399		43		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	70.750	73.913	78.502	106,21	110,96

2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

2.2.1 Kế hoạch sản lượng năm 2023 công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính).

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	DỰ KIẾN NĂM 2023	
			Giá trị	Tỷ lệ % so với 2022
Sản lượng kho	Tấn	1.218.423	1.221.324	100,23
Sản lượng bãi (teus)	Teus	676.142	707.097	104,57

2.2.2 Kế hoạch SXKD năm 2023.

a. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2023 (Hợp nhất):

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ %
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	939.017	947.823	100,94
1. Doanh thu bán hàng	930.416	932.141	100,19
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.520	6.437	75,55
3. Thu nhập khác	797	9.245	1159,97
II. Tổng chi phí	823.890	819.614	99,48
1. Giá vốn hàng bán	719.228	702.938	97,74
2. Chi phí tài chính	5.149	4.395	85,36
3. Lãi lỗ trong công ty liên danh, liên kết	(716)	(338)	47,21

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ %
3. Chi phí bán hàng	28.137	34.378	122,18
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	69.713	75.960	108,96
5. Chi phí khác	1.663	1.604	96,45
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	115.127	128.209	111,36
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	27.376	29.314	107,08
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	44		0,00
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	87.707	98.895	112,76
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.634	2.928	111,16

b. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2023 (Công ty mẹ):

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	754.718	792.145	104,96
1. Doanh thu bán hàng	741.049	779.375	105,17
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12.874	11.770	91,42
3. Thu nhập khác	795	1.000	125,79
II. Tổng chi phí	652.482	684.437	104,90
1. Giá vốn hàng bán	569.881	591.625	103,82
2. Chi phí tài chính	4.215	2.749	65,22
3. Chi phí bán hàng	18.319	24.300	132,65
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.104	64.812	109,66
5. Chi phí khác	963	950	98,65
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	102.234	107.708	105,35
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.688	24.007	101,35
1. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	43		0,00
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	78.502	83.700	106,62

3. Ông Trần Quang Thảo trình bày kết quả đầu tư năm 2022, kế hoạch đầu tư năm 2023.

3.1 Kết quả đầu tư năm 2022.

Năm 2022, tổng số tiền đầu tư của Công ty là 20.165 triệu đồng, trong đó

- Đầu tư Xây dựng cơ bản: 5.000 triệu đồng.
- Đầu tư mua sắm TTBCN: 11.565 triệu đồng.
- Đầu tư ra ngoài DN: 3.600 triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Công Trình - Thiết bị- góp vốn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN		5.000		
1	Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc (Mua đất, xây lắp)	80.000	0	0	Không thực hiện
2	Xây dựng văn phòng giao nhận tại các cửa kho	3.500	3.500	100	
4	Mái hiên canopy cửa số 10-13 kho 2 và số 17-19 kho 3	5.200	1.500	30	Đã hoàn thành, Số tạm ứng 2022 đạt 30%
II	MUA SẮM TTB		11.565		
1	Thay thế bình điện xe nâng kho (25 xe)	4.000	4.000	100	
4	Phần mềm e.WMS GD 2 (Xuất hàng tự động, nâng cấp tính năng....)	4.470	2.600	58	Đã hoàn thành, giải ngân 2022 đạt 58%
5	Thay cửa cuốn kho CFS 2,3	200	200	100	
6	Thay thế, bổ sung camera các kho	1.300	0	0	Bổ sung thêm camera nhà sạc, chuyển qua 2023
7	Bổ sung, thay thế kệ hàng các kho	400	400	100	
11	Xe nâng điện kho (mua thêm)	4.200	2.100	50	Tạm ứng

STT	Công Trình - Thiết bị- góp vốn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
					50%
14	Thiết bị hanheld + VHF thay thế	3.000	1.500	50	Tạm ứng 50%
15	Nâng cấp mạng hiện trường	2.625	0	0	Thay đổi danh mục đầu tư, chuyển sang 2023
16	Phần mềm E-WMS GD 1 (Thanh toán làm hàng qua mạng, nâng cấp tính năng...)	3.443	765	22	Còn hạng mục mobile app, giải ngân theo tiến độ
III	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP	18.000	3.600		
1	Góp vốn vào Công ty CP Tân Cảng Express	18.000	3.600	20	Góp vốn theo giai đoạn, GD 1 tổng số vốn góp 10 tỷ đồng, KVTC góp tương đương 36%
TỔNG			20.165		

3.2 Kế hoạch đầu tư năm 2023.

STT	Công Trình - Thiết bị- Góp vốn	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
1	Mái hiên Canopy kho 2,3 GD2	3.700	Số còn lại giải ngân sau quyết toán
2	Mái hiên Canopy kho 2,3 GD3	5.600	
3	Phần mềm eWMS giai đoạn 2 (xuất hàng tự động, nâng cấp tính năng)	1.870	Số còn lại giải ngân
4	Xe nâng điện kho (02 xe thấp)	2.100	Số còn lại giải ngân
5	Xe nâng điện kho (02 xe cao)	2.000	Ứng 40% giá trị
6	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ	3.600	Ứng 40%
7	Mua 17 mooc 40	5.950	
8	Thiết bị handheld thay thế (xe nâng + thủ kho)	1.500	Số còn lại giải ngân
9	Phần mềm eWMSVN giai đoạn 1 (TT làm hàng qua mạng, HD điện tử, nâng cấp tính năng...)	2.678	
10	Thiết bị, hạ tầng mạng phục vụ triển khai công tự động	850	
11	Phát triển phần mềm triển khai công tự động	3.500	
12	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS mobile app	1.320	
13	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS (Kho CFS và kho ngoại quan).	2.000	
14	Hạ tầng SMS gateway sử dụng của SNP	290	
15	Bổ sung tính năng trên handheld cho xe nâng dầu	195	
16	Nâng cấp phòng máy chủ, chuyển đổi internet	3.900	
17	Thay thế camera Analog sang IP, bổ sung camera nhà sạc	1.700	
18	Góp vốn vào Tân Cảng Express (Đợt 2)	3.600	
TỔNG		46.353	

4. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 (Xem tài liệu đại hội).

5. Ông Trần Quang Thảo trình bày tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.

Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

6. Ông **Trần Quang Thảo** trình bày tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, trả tiền cổ tức năm 2022, kế hoạch năm 2023.

➤ **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:**

+ Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2022	:	102.234.469.004 đồng
+ Thuế TNDN hiện hành	:	23.688.377.628 đồng
+ Thuế TNDN hoãn lại	:	43.797.904 đồng
+ Tổng lợi nhuận sau thuế	:	78.502.293.472 đồng (1)
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn góp	:	39,3%

Theo Điều lệ Công ty và kết quả SXKD năm 2022, lợi nhuận phân phối được trích như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển	:	7.850.229.347 đồng (2)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	27.529.144.570 đồng (3)
+ Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	:	472.500.000 đồng (4)
+ Lợi nhuận phân phối năm 2022 = (1)-(2)-(3)-(4)	:	42.650.419.555 đồng

➤ **Chia cổ tức năm 2022:**

+ Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2022 và lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2022, Công ty CP Kho Vận Tân Cảng chi cổ tức như sau:

+ Lợi nhuận phân phối năm 2022	:	42.650.419.555 đồng
+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	:	1.329.824.445 đồng
+ Tổng cộng	:	43.980.244.000 đồng
+ Chi cổ tức 22% trên vốn điều lệ	:	43.980.244.000 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	0 đồng
+ Hình thức chi trả cổ tức	:	Bằng tiền
+ Thời gian chi trả cổ tức	:	Dự kiến tháng 05/2023

➤ **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:**

Năm 2023, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

+ Tổng LNST kế hoạch năm 2023	:	83.700.280.301 đồng
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	:	8.370.028.030 đồng
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	:	30.850.008.271 đồng
+ Trích Quỹ thưởng Người quản lý ^(*)	:	500.000.000 đồng
+ Lợi nhuận chia cổ tức (22%/Vốn điều lệ)	:	43.980.244.000 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	0 đồng
+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền	:	

+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý thực hiện năm 2023 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2023 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

7. Ông **Trần Quang Thảo** trình bày tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022, kế hoạch 2023.

➤ **Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022:**

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch chuyên trách	01	<i>Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách</i>		925.221.873
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
1	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
2	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					1.285.221.873

➤ **Kế hoạch chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023.**

T T	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
1.	Chủ tịch HĐQT	01	<i>Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách</i>		1.100.000.000
2.	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
3.	Trưởng BKS	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
4.	Thành viên BKS	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					1.460.000.000

8. Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** trình bày tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm báo cáo tài chính 2023.

➤ **Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:**

- Chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo yêu cầu của công ty.

➤ **Đề xuất đơn vị kiểm toán:**

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) - Chi nhánh Hà Nội;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên, giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng theo quy định.

9. Ông Trần Quang Thảo trình bày tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ):

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng; hợp đồng quảng bá thương hiệu...

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

C. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN:

Các đại biểu tham dự đại hội đặt câu hỏi trực tiếp cho Đoàn Chủ tịch và được Đoàn Chủ tịch trả lời tại Đại hội.

D. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Đến thời điểm 10 giờ 05 phút, khi tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung, cổ đông tham dự và cổ đông được ủy quyền tham dự là 84 người, đại diện cho 16.186.167 cổ phần, chiếm 80,9672% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Ông Trần Hải Dương – Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu phát ra: 85 phiếu đại diện cho 16.186.167 CP, chiếm 100% tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu thu về: 85 phiếu đại diện cho 16.186.167 CP, chiếm 100% tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không thu về: 0 phiếu đại diện cho 0 CP, chiếm 0% tính trên số CP biểu quyết dự họp.

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị 2022.

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.186.167 cp	100%
- Tán thành	16.186.167 cp	100%
- Không tán thành	0 cp	0%
- Không có ý kiến	0 cp	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cp	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	0 cp	0%
Tổng cộng	16.186.167 cp	100%

2. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm, đầu tư năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023.

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.186.167 cp	100%
- Tán thành	16.186.167 cp	100%
- Không tán thành	0 cp	0%
- Không có ý kiến	0 cp	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cp	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	0 cp	0%
Tổng cộng	16.186.167 cp	100%

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2022.

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.186.167 cp	100%
- Tán thành	16.186.167 cp	100%
- Không tán thành	0 cp	0%
- Không có ý kiến	0 cp	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cp	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	0 cp	0%
Tổng cộng	16.186.167 cp	100%

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 (công ty mẹ và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Hà Nội.

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.186.167 cp	100%
- Tán thành	16.186.167 cp	100%
- Không tán thành	0 cp	0%
- Không có ý kiến	0 cp	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cp	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	0 cp	0%
Tổng cộng	16.186.167 cp	100%

5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch năm 2023:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.186.167 cp	100%
- Tán thành	16.186.167 cp	100%
- Không tán thành	0 cp	0%
- Không có ý kiến	0 cp	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cp	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	0 cp	0%
Tổng cộng	16.186.167 cp	100%

6. Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.186.167 cp	100%
- Tán thành	16.186.167 cp	100%
- Không tán thành	0 cp	0%
- Không có ý kiến	0 cp	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cp	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	0 cp	0%
Tổng cộng	16.186.167 cp	100%

7. Thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	16.186.167 cp	100%
- Tán thành	16.186.167 cp	100%
- Không tán thành	0 cp	0%
- Không có ý kiến	0 cp	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cp	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	0 cp	0%
Tổng cộng	16.186.167 cp	100%

8. Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ):

Đối với nội dung này, số cổ phần có quyền biểu quyết (sau khi loại số phiếu biểu quyết của các cổ đông có lợi ích liên quan- Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn) là: 4.383.118 cổ phần.

TT	Tên đại biểu	Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	Số CP đại diện của TCT Tân Cảng SG	Số cổ phần hạn chế biểu quyết
1	Trần Quang Thảo	3.509	2.999.653	3.003.162
2	Đoàn Phi	2.490	799.815	802.305
3	Ngô Văn Ngự	0	7.997.582	7.997.582
TỔNG		5.999	11.797.050	11.803.049

Số lượng cổ phần không có quyền biểu quyết là **11.803.049** cổ phần (Bao gồm số lượng CP của TCT Tân Cảng Sài Gòn và CP sở hữu của cá nhân có liên quan đến TCT- Người đại diện vốn)

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	4.383.118 cp	100%
- Tán thành	4.379.888 cp	99,9263%
- Không tán thành	0 cp	0%
- Không có ý kiến	3.230 cp	0,0737%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	0 cp	0%
c. Phiếu biểu quyết không thu về	0 cp	0%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng SLCP tham dự
Tổng cộng	4.383.118 cp	100%

E. CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 THÔNG QUA (PHƯƠNG THỨC BỎ PHIẾU KÍN).

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 23 Điều lệ công ty và khoản 1, 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, các nội dung sau đây đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

STT	Nội dung được thông qua	Tỷ lệ tán thành	Kết luận các nội dung đã biểu quyết thông qua
1	Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị 2022.	100%	<i>Thông qua</i>
2	Thông qua báo cáo KQ SXKD, đầu tư năm 2022 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2023.	100%	<i>Thông qua</i>
3	Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát 2022.	100%	<i>Thông qua</i>
4	Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 (công ty mẹ và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Hà Nội.	100%	<i>Thông qua</i>
5	Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch năm 2023:	100%	<i>Thông qua</i>
6	Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023:	100%	<i>Thông qua</i>
7	Thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:	100%	<i>Thông qua</i>
8	Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ):	99,9263%	<i>Thông qua</i>

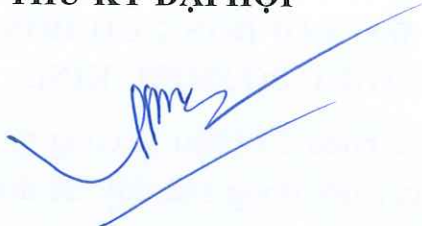
F. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI.

Thư ký đọc biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm, không ai có ý kiến gì thêm.

Biểu quyết: 16.186.167 cổ phần (tỷ lệ 100%).

Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã được thông qua với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%. Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Hồ Thanh Hiền

CHỦ TỌA



Ngô Văn Ngự



Số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 27 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Kho Vận Tân Cảng ngày 27 tháng 4 năm 2023,

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng (TCW) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại Hội trường Công ty (Cảng Tân Cảng Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh) với sự tham gia của 84 cổ đông trực tiếp và theo ủy quyền. Tổng cộng nắm giữ: 16.186.167 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,9672% vốn điều lệ, đủ điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội thống nhất ra Nghị quyết với các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

Điều 2: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023.

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

1. Kết quả sản lượng thực hiện năm 2022 Công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính).

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022		
			Giá trị	% so với kế hoạch	% so với cùng kỳ
Sản lượng kho (tấn)	1.131.715	1.164.416	1.218.423	104,6	107,7
Sản lượng bãi (teus)	648.960	740.363	676.142	91,3	104,2

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 (BCTCHN kiểm toán năm 2022)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	809.302	864.877	939.733	108,66	116,12
1. Doanh thu bán hàng	800.514	858.553	930.416	108,37	116,23
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.233	5.324	8.520	160,03	103,49
3. Thu nhập khác	555	1.000	797	79,70	143,60
II. Tổng chi phí	709.579	759.017	823.174	108,45	116,01
1. Giá vốn hàng bán	632.226	676.994	719.228	106,24	113,76
2. Chi phí tài chính	6.136	5.997	5.149	85,86	83,91
3. Phần lãi/lỗ trong cty liên kết			(716)		
4. Chi phí bán hàng	9.424	10.493	28.137	268,15	298,57
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.306	63.628	69.713	109,56	115,60
6. Chi phí khác	1.486	1.906	1.663	87,25	111,91
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	99.723	105.860	115.127	108,75	115,45
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.528	23.386	27.376	117,06	116,35
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-399	0	44		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	76.594	82.474	87.707	106,35	114,51
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.386	2.602	2.634	101,23	110,39

3. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 (BCTC công ty mẹ năm 2022)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022		
			Giá trị	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	673.129	717.186	754.718	105,23	112,12
1. Doanh thu bán hàng	659.086	706.666	741.049	104,87	112,44
2. Doanh thu hoạt động tài chính	13.489	9.520	12.874	135,23	95,44
3. Thu nhập khác	554	1.000	795	79,50	143,50
II. Tổng chi phí	582.314	623.162	652.482	104,71	112,05
1. Giá vốn hàng bán	519.141	554.260	569.881	102,82	109,77
2. Chi phí tài chính	3.958	4.318	4.215	97,61	106,49
3. Chi phí bán hàng	9.058	10.000	18.319	183,19	202,24
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.521	53.634	59.104	110,20	119,35
5. Chi phí khác	636	950	963	101,37	151,42
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	90.815	94.024	102.234	108,73	112,57
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.464	20.111	23.688	117,79	115,75
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-399		43		
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	70.750	73.913	78.502	106,21	110,96

II. Kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh năm 2023.

1. Kế hoạch sản lượng năm 2023 công ty mẹ (một số chỉ tiêu chính):

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	DỰ KIẾN NĂM 2023	
			Giá trị	Tỷ lệ % so với 2022
Sản lượng kho	Tấn	1.218.423	1.221.324	100,23
Sản lượng bãi (teus)	Teus	676.142	707.097	104,57

2. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2023 (Hợp nhất):

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ %
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần	939.017	947.823	100,94
1. Doanh thu bán hàng	930.416	932.141	100,19
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.520	6.437	75,55
3. Thu nhập khác	797	9.245	1159,97
II. Tổng chi phí	823.890	819.614	99,48
1. Giá vốn hàng bán	719.228	702.938	97,74
2. Chi phí tài chính	5.149	4.395	85,36
3. Lãi lỗ trong công ty liên danh, liên kết	(716)	(338)	47,21
3. Chi phí bán hàng	28.137	34.378	122,18
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	69.713	75.960	108,96
5. Chi phí khác	1.663	1.604	96,45
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	115.127	128.209	111,36
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	27.376	29.314	107,08
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	44		0,00
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	87.707	98.895	112,76
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	2.634	2.928	111,16

3. Kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2023 (Công ty mẹ):

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	754.718	792.145	104,96
1. Doanh thu bán hàng	741.049	779.375	105,17
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12.874	11.770	91,42

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)
3. Thu nhập khác	795	1.000	125,79
II. Tổng chi phí	652.482	684.437	104,90
1. Giá vốn hàng bán	569.881	591.625	103,82
2. Chi phí tài chính	4.215	2.749	65,22
3. Chi phí bán hàng	18.319	24.300	132,65
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.104	64.812	109,66
5. Chi phí khác	963	950	98,65
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	102.234	107.708	105,35
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.688	24.007	101,35
1. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	43		0,00
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	78.502	83.700	106,62

III. Kết quả đầu tư năm 2022, kế hoạch đầu tư năm 2023.

1. Kết quả đầu tư năm 2022.

Năm 2022, tổng số tiền đầu tư của Công ty là 20.165 triệu đồng, trong đó

- Đầu tư Xây dựng cơ bản: 5.000 triệu đồng.
- Đầu tư mua sắm TTBCN: 11.565 triệu đồng.
- Đầu tư ra ngoài DN: 3.600 triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Công Trình - Thiết bị- góp vốn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN		5.000		
1	Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc (Mua đất, xây lắp)	80.000	0	0	Không thực hiện
2	Xây dựng văn phòng giao nhận tại các cửa kho	3.500	3.500	100	
4	Mái hiên canopy cửa số 10-13 kho 2 và số 17-19 kho 3	5.200	1.500	30	Đã hoàn thành, Số tạm ứng 2022 đạt 30%
II	MUA SẮM TTB		11.565		
1	Thay thế bình điện xe nâng kho (25 xe)	4.000	4.000	100	

4	Phần mềm e.WMS GD 2 (Xuất hàng tự động, nâng cấp tính năng....)	4.470	2.600	58	Đã hoàn thành, giải ngân 2022 đạt 58%
5	Thay cửa cuốn kho CFS 2,3	200	200	100	
6	Thay thế, bổ sung camera các kho	1.300	0	0	Bổ sung thêm camera nhà sọc, chuyển qua 2023
7	Bổ sung, thay thế kệ hàng các kho	400	400	100	
11	Xe nâng điện kho (mua thêm)	4.200	2.100	50	Tạm ứng 50%
14	Thiết bị handheld + VHF thay thế	3.000	1.500	50	Tạm ứng 50%
15	Nâng cấp mạng hiện trường	2.625	0	0	Thay đổi danh mục đầu tư, chuyển sang 2023
16	Phần mềm E-WMS GD 1 (Thanh toán làm hàng qua mạng, nâng cấp tính năng...)	3.443	765	22	Giải ngân theo tiến độ
III	ĐẦU TƯ RA NGOÀI DOANH NGHIỆP	18.000	3.600		
1	Góp vốn vào Công ty CP Tân Cảng Express	18.000	3.600	20	Góp vốn theo giai đoạn, GD 1 tổng số vốn góp 10 tỷ đồng, KVTC góp tương đương 36%
TỔNG			20.165		

2. Kế hoạch đầu tư năm 2023.

STT	Công Trình - Thiết bị- Góp vốn	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
1	Mái hiên Canopy kho 2,3 GD2	3.700	Số còn lại giải ngân sau quyết toán
2	Mái hiên Canopy kho 2,3 GD3	5.600	
3	Phần mềm eWMS giai đoạn 2 (xuất hàng tự động, nâng cấp tính năng)	1.870	Số còn lại giải ngân
4	Xe nâng điện kho (02 xe thấp)	2.100	Số còn lại giải ngân
5	Xe nâng điện kho (02 xe cao)	2.000	Ứng 40% giá trị
6	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ	3.600	Ứng 40%
7	Mua 17 mooc 40	5.950	
8	Thiết bị handheld thay thế (xe nâng + thủ kho)	1.500	Số còn lại giải ngân
9	Phần mềm eWMSVN giai đoạn 1 (TT làm hàng qua mạng, HĐ điện tử, nâng cấp tính năng...)	2.678	
10	Thiết bị, hạ tầng mạng phục vụ triển khai công tự động	850	
11	Phát triển phần mềm triển khai công tự động	3.500	
12	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS mobile app	1.320	
13	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS (Kho CFS và kho ngoại quan).	2.000	
14	Hạ tầng SMS gateway sử dụng của SNP	290	
15	Bổ sung tính năng trên handheld cho xe nâng dầu	195	
16	Nâng cấp phòng máy chủ, chuyển đổi internet	3.900	
17	Thay thế camera Analog sang IP, bổ sung camera nhà sạc	1.700	
18	Góp vốn vào Tân Cảng Express (Đợt 2)	3.600	
TỔNG		46.353	

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C chi nhánh Hà Nội.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022.

Điều 5. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

➤ **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:**

+ Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2022	:	102.234.469.004 đồng
+ Thuế TNDN hiện hành	:	23.688.377.628 đồng
+ Thuế TNDN hoãn lại	:	43.797.904 đồng
+ Tổng lợi nhuận sau thuế	:	78.502.293.472 đồng (1)
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn góp	:	39,3%

Theo Điều lệ Công ty và kết quả SXKD năm 2022, lợi nhuận phân phối được trích như sau:

+ Trích quỹ đầu tư phát triển	:	7.850.229.347 đồng (2)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	27.529.144.570 đồng (3)
+ Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	:	472.500.000 đồng (4)
+ Lợi nhuận phân phối năm 2022 = (1)-(2)-(3)-(4)	:	42.650.419.555 đồng

➤ **Chia cổ tức năm 2022:**

+ Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2022 và lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2022, Công ty CP Kho Vận Tân Cảng chi cổ tức như sau:

+ Lợi nhuận phân phối năm 2022	:	42.650.419.555 đồng
+ Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	:	1.329.824.445 đồng
+ Tổng cộng	:	43.980.244.000 đồng

+ Chi cổ tức 22% trên vốn điều lệ	:	43.980.244.000 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	0 đồng
+ Hình thức chi trả cổ tức	:	Bằng tiền
+ Thời gian chi trả cổ tức	:	Dự kiến tháng 05/2023

➤ **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023:**

Năm 2023, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

+ Tổng LNST kế hoạch năm 2023	:	83.700.280.301 đồng
-------------------------------	---	---------------------

- + Trích quỹ đầu tư phát triển : 8.370.028.030 đồng
- + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi(*) : 30.850.008.271 đồng
- + Trích Quỹ thưởng Người quản lý(*) : 500.000.000 đồng
- + Lợi nhuận chia cổ tức (22%/Vốn điều lệ) : 43.980.244.000 đồng
- + Lợi nhuận chưa phân phối còn lại : 0 đồng
- + Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền
- + Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý thực hiện năm 2023 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2023 theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và xã hội ban hành ngày 01/9/2016.

Điều 6: Thông qua tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch trả thù lao năm 2023.

➤ **Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022:**

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch chuyên trách	01	<i>Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách</i>		925.221.873
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
1	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
2	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					1.285.221.873

➤ **Kế hoạch chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023.**

TT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
1.	Chủ tịch HĐQT	01	<i>Lương thưởng hoạt động theo chế độ chuyên trách</i>		1.100.000.000
2.	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
3.	Trưởng BKS	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
4.	Thành viên BKS	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG					1.460.000.000

Điều 7: Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2023.

➤ **Đề xuất đơn vị kiểm toán:**

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) - Chi nhánh Hà Nội;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên, giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng theo quy định.

Điều 8: Thông qua tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ).

Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng; hợp đồng quảng bá thương hiệu...

Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

Điều 09: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Ngô Văn Ngự
Ngô Văn Ngự

